

**SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
BỆNH VIỆN BỆNH NHIỆT ĐỚI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 167/BVBND-CV
V/v: Đề nghị thẩm định giá

Hưng Yên, ngày 05 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Quý công ty

Tổ chức/cá nhân yêu cầu thẩm định giá: **BỆNH VIỆN BỆNH NHIỆT ĐỚI TỈNH HƯNG YÊN.**

Địa chỉ: Đường Phạm Bạch Hổ, Phường Lam Sơn, Thành phố Hưng Yên, Hưng Yên
Đại diện: Ông Trần Xuân Khánh Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0900234508 – 003

Số điện thoại: 02213.600336

Fax: 02213 865 390

Số tài khoản: 9527.2.1092077/3716.0.1092077 tại: Kho bạc Nhà nước tỉnh Hưng Yên

Đề nghị Quý Công ty thực hiện thẩm định giá của tài sản chi tiết như sau:

1. Tài sản thẩm định giá: vật tư y tế, hóa chất- vật tư xét nghiệm, sinh phẩm bổ sung chờ kết quả đầu thầu tập trung Sở Y tế 2025
2. Số lượng: Chi tiết trong phụ lục Thông tin tài sản kèm theo Đề nghị này.
3. Mục đích thẩm định giá: Làm cơ sở tham khảo mua sắm mới theo quy định pháp luật hiện hành.
4. Địa điểm thẩm định giá: Hưng Yên và các vùng lân cận.
5. Thời điểm thẩm định giá (cụ thể tháng, năm): tháng 3, 4/2025
6. Thời hạn công việc thực hiện thẩm định giá: sau 20 ngày làm việc

Sau khi tham khảo trình tự, thủ tục và mức giá dịch vụ thẩm định giá của Quý Công ty, chúng tôi cam kết:

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tài sản đề nghị thẩm định giá và chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý của Hồ sơ cung cấp.

- Tạm ứng, thanh toán đầy đủ giá trị dịch vụ được cung cấp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tới Quý Công ty ngay khi nhận được bản chính Chứng thư thẩm định giá (03 bản, bằng Tiếng Việt) của Quý Công ty.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT, Dược –CNK và vật tư y tế.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Kính ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC
Trần Xuân Khánh**

Danh mục yêu cầu thẩm định giá:

(Kèm theo số 167/BVBND-CT ngày 05 tháng 3 năm 2025
của Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên về việc đề nghị thẩm định giá)

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Thông số kỹ thuật
I. Hóa chất, sinh phẩm dùng cho các máy xét nghiệm									
1	Hoá chất dùng cho máy phân tích huyết học	HemoDiL SH/ 315-962/ MTI Diagnostics GmbH	3822	2024 trở đi	MTI Diagnostics GmbH, Đức	Thùng 20L	Thùng	4	Thành phần chính: Sodium chloride < 0.9% Potassium chloride < 0.06% Buffer < 0.3% Preservative < 0.1% Có mã QR Code quản lý hoá chất được tích hợp sẵn. Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016
2	Thuốc thử ly giải hồng cầu	Lysoglobin SHS/ 315-455/ MTI Diagnostics GmbH	3822	2024 trở đi	MTI Diagnostics GmbH, Đức	Chai 500ml	Chai	3	Thành phần chính: Detergent < 2.0% Buffer < 1.0% Có mã QR Code quản lý hoá chất được tích hợp sẵn. Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin	Albumin/ 557-003/ MTI Diagnostics GmbH	3822	2024 trở đi	MTI Diagnostics GmbH, Đức	6x65ml	Hộp	1	Phương pháp đo: Bromocresol green Phạm vi đo: 0.2g/dl – 6.0 g/dl Độ nhạy phân tích (giới hạn phát hiện thấp hơn): 0.2 g/dl hoặc 2 g/l Thành phần chính: R1 Succinate buffer, pH 4.2 75 mmol/l Bromocresol green 0.15 mmo/l Brij 35 7 ml/l Detergents and stabilizers >0.1 % Bovine albumin concentration according to CRM 470 (IFCC) 4.0 g/dl RPPHS 91/0619 4.0 g/dl SRM 927a (NIST) 4.5 g/dl Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016

4	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin direct	Bilirubin Direct/ 557-084/ MTI Diagnostics GmbH	3822	2024 trở đi	MTI Diagnostics GmbH, Đức	R1: 3x50ml R2: 3x10ml	Hộp	1	Phương pháp DCA Bước sóng 546 nm (540 – 560 nm) Đường quang 1 cm Phạm vi đo từ 0.1 - 10 mg / dL Giới hạn phát hiện thấp hơn là 0.1 mg/dL. Thành phần chính: R1: EDTA-Na2 0.1 mmol/L NaCl 150 mmol/L Sulfamic acid 100 mmol/L R2: 2.4-Dichlorophenyl-diazonium salt 0.5 mmol/L HCl 900 mmol/L EDTA-Na2 0.13 mmol/L Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016
5	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin total	Bilirubin Total/ 557-088/ MTI Diagnostics GmbH	3822	2024 trở đi	MTI Diagnostics GmbH, Đức	R1: 3x65ml R2: 3x14ml	Hộp	1	Phương pháp: DCA Phạm vi đo từ 0.1 - 30 mg/dL Giới hạn phát hiện thấp hơn là 0.07 mg/dL. Thành phần chính: R1: Phosphate buffer 50 mmol/L NaCl 150 mmol/L R2: 2.4-Dichlorophenyl-diazonium salt 5 mmol/L HCl 130 mmol/L Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016

6	Thuốc thử xét nghiệm GOT(AST)	GOT (AST)/ 557-256/ MTI Diagnostics GmbH	3822	2024 trở đi	MTI Diagnostics GmbH, Đức	R1: 6x66ml R2: 6x16ml	Hộp	1	Phương pháp: IFCC Phạm vi đo: 0.160 ở 340nm hoặc 0.080 ở 365nm Giới hạn phát hiện: 4 U/l hoặc 0.07 μ kat/l Thành phần chính: R1: Tris buffer pH 7.8 100 mmol/l L-Aspartatê 200 mmol/l LDH 800 U/l MDH 600 U/l R2: NADH ₂ 0.18 mmol/l 2-Oxoglutarate 12 mmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016
7	Thuốc thử xét nghiệm GPT(ALT)	GPT (ALT)/ 557-266/ MTI Diagnostics GmbH	3822	2024 trở đi	MTI Diagnostics GmbH, Đức	R1: 6x66ml R2: 6x16ml	Hộp	1	Phương pháp: IFCC Phạm vi đo: 0.160 ở 340 nm hoặc 0.080 ở 365 nm Giới hạn phát hiện: 4 U/l hoặc 0.07 μ kat/l Thành phần chính: R1: Tris buffer pH 7.8 100 mmol/l L-Alanine 500 mmol/l LDH 1200 U/l R2: NADH ₂ 0.18 mmol/l 2-Oxoglutarate 15 mmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016
8	Thuốc thử xét nghiệm Total Protein	Total Protein/ 557-412/ MTI Diagnostics GmbH	3822	2024 trở đi	MTI Diagnostics GmbH, Đức	5x66ml	Hộp	1	Phương pháp: Biuret Phạm vi đo: 0.2-13 g/dl (2.0-130 g/l) Giới hạn phát hiện: 0.2 g/dl hoặc 2.0 g/l Thành phần chính: Potassium iodide 30 mmol/l Potassium sodium tartrate 32 mmol/l Copper sulphate 18 mmol/l Sodium hydroxide 200 mmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016

9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglyceride	Triglyceride/ 557-433/ MTI Diagnostics GmbH	3822	2024 trở đi	MTI Diagnostics GmbH, Đức	6x65ml	Hộp	1	Phương pháp: GPO-PAP (Glycerol phosphate oxidase/peroxidase) Phạm vi đo: 3-1000 mg/dl (0.05 - 11.4 mmol/l) Giới hạn phát hiện: 3mg / dl (0.05 mmol/l) Thành phần chính: Pipes buffer pH 7.8 50 mmol/l p-Chlorophenol 2 mmol/l Lipoprotein lipase 150000 U/l Glycerolkinase 800 U/l Glycerol - 3 - P- oxidase 4000 U/l Peroxidase 440 U/l 4-Aminoantipyrine 0.7mmol/l ATP 0.3mmol/l Mg2+ 40 mmol/l Na-cholat 0.20 mmol/l Potassium-Hexacyanoferrat(II) 1µmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016
10	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	Cholesterol/ 557-124/ MTI Diagnostics GmbH	3822	2024 trở đi	MTI Diagnostics GmbH, Đức	6x65ml	Hộp	1	Phương pháp: ChOD-PAP (Cholesterol oxidase/peoxidase) Phạm vi: 3-800 mg/dl (0.08-20.7 mmol/l) Giới hạn phát hiện: 3 mg/dl (0.08 mmol/l) Thành phần chính: R1: Pipes buffer, pH 6.9 90 mmol/l Phenol 26 mmol/l Cholesterol oxidase 200 U/l Cholesterol esterase 300 U/l Peroxidase 1250 U/l 4-Aminoantipyrine 0.4 mmol/l Cholesterol Standard 200 mg/dl (5.17mmol/l) Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016

11	Hóa chất xét nghiệm định lượng alpha-fetoprotein (XN dấu ấn ung thư gan nguyên phát)	ST-AIA-Pack AFP/ 0025252/ TOSOH Corporation	3822	2024 trở đi	TOSOH Corporation, Nhật Bản	100 test	Test	600	Hóa chất xét nghiệm định lượng alpha-fetoprotein. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đồng khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng AFP và 100 µL kháng thể đơn dòng của chuột kháng AFP (đối với AFP của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016
12	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng AFP	AIA-Pack AFP Calibrator Set/ 0020352/ TOSOH Corporation	3822	2024 trở đi	TOSOH Corporation, Nhật Bản	4 x 1ml	Hộp	1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng AFP 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn 0 ng/mL Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của AFP, chất bảo quản natri azide 2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn 200 ng/mL Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của AFP (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016
13	Hóa chất kiểm tra mức 1	Tosoh Multi-Control Level 1/ 0015962/ TOSOH Corporation	3822	2024 trở đi	TOSOH Corporation, Nhật Bản	3 x 5ml	Hộp	1	Hóa chất kiểm tra Level 1 (đồng khô) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016
14	Dung dịch pha loãng	AIA-Pack Diluent Concentrate/ 0020956/ TOSOH Corporation	3822	2024 trở đi	TOSOH Corporation, Nhật Bản	4 x 100ml	Hộp	1	Hóa chất pha loãng, dung dịch đệm với chất tẩy dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động TOSOH AIA 900. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016
15	Dung dịch nền mức 2	AIA-Pack Substrate Set II/ 0020968/ TOSOH Corporation	3822	2024 trở đi	TOSOH Corporation, Nhật Bản	2 x 100ml	Hộp	2	Gồm: - Hóa chất nền, chất ổn định, chất bảo quản natri azide (đồng khô). - Hóa chất nền, chất đệm chứa chất bảo quản natri azide (dạng lỏng) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016
16	Đầu col nhựa hút mẫu bệnh phẩm dùng cho máy miễn dịch	AIA-PACK Sample Tip / 0019215/ TOSOH Corporation	3926	2024 trở đi	TOSOH Corporation, Nhật Bản	Túi 1000 cái	Túi	1	Đầu côn nhựa hút mẫu bệnh phẩm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016

YÊN

YÊN

17	Que thử xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	Urodip 11P/ 315-470 / MTI Diagnostics GmbH	3822	2024 trở đi	MTI Diagnostics GmbH, Đức	100 test	Test	500	Thành phần chính: Ascorbic Acid: 2.6-dichloro-phenol-indophenol 0.5mg. Leukocytes: indoxyl ester 1.4mg;diazonium salt 0.7mg. Ketone: sodium nitroprusside 30.0mg. Nitrite: sulfanilamide 0.65mg;N-(naphthyl)-ethylenediammonium dihydrochloride 0.45mg. Urobilinogen: fast blue B salt 1.2mg. Bilirubin: 2.4-dichlorobenzene diazonium 14.3mg. Protein: tetrabromphenol blue 0.36mg. Glucose: glucose oxidase 6.2mg;peroxidase 2.8mg;4-aminoantipyrine 0.08mg. Specific Gravity: bromthymol blue 0.4mg;sodium poly methyl vinyl acetate maleic 16mg. Blood: cumene hydroperoxide 35.2mg;3,3',5,5'-tetramethylbenzidine 2.0mg. pH: bromocresol green 0.2mg; bromxylenol blue 3.3mg. Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016
		Tổng cộng							
II. Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm tải lượng HBV, HIV tự động									
18	Hóa chất định lượng virus HIV	AccuPower® HIV-1 Quantitative PCR Kit HIV-1211, Hãng Bioneer Corporation - Hàn Quốc	3822	2024 trở đi	Hàn Quốc		Test	672	- Bộ Kit được dùng để đo tải lượng virus gây bệnh suy giảm miễn dịch (HIV) trong huyết tương với chất chống đông EDTA. - Đóng gói đông khô các môi, mẫu dò, DNA polymerase, dNTP và muối,... - Xét nghiệm sử dụng IPC để kiểm tra tiến trình PCR - Ngưỡng phát hiện (LoD): 33.1 IU/ml - Giới hạn định lượng - LoQ: 1.7Log10 IU/ml - Độ nhạy: 96.99% - Độ đặc hiệu: 100% - Không bị nhiễu bởi 17 loại thuốc điều trị và 26 loại virus, vi khuẩn - Bảo quản ở nhiệt độ: từ -15 đến -25 độ C - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485

19	Hóa chất định lượng virus HBV	AccuPower® HBV Quantitative PCR Kit HBV-1211, Hãng Bioneer Corporation - Hàn Quốc	3822	2024 trở đi	Hàn Quốc	Test	192	- Bộ Kit được thiết kế để định lượng DNA của virus viêm gan B (HBV) trong mẫu huyết thanh, huyết tương người chống đông bằng EDTA. - Đóng gói đông khô các môi, mẫu dò, DNA polymerase, dNTP và muối.... - Ngưỡng phát hiện (LoD): 6.02 IU/ml trong huyết tương - Khoảng tuyến tính: 1.18-8.00 Log10IU/ml - Độ nhạy: 100 % - Độ đặc hiệu: 100 % - Các loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương người chống đông bằng EDTA - Thể tích mẫu 400 microlit. - Bảo quản ở nhiệt độ: từ -15 đến -25 độ C - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485
20	Bộ kit tách chiết DNA/RNA trên máy tự động	ExiPrep™ 48 Viral DNA/RNA Kit K-4571, Hãng Bioneer Corporation - Hàn Quốc	3822	2024 trở đi	Hàn Quốc	Test	864	- Kit tách chiết DNA/RNA của virus từ: huyết thanh, huyết tương,... có thể tách đồng thời 48 mẫu/lần - Thể tích mẫu sử dụng: 400 microlit. - Thể tích rửa giải: 50 microlit. - Tách chiết theo nguyên lý hạt từ silica. - Cung cấp bao gồm vật tư tiêu hao cần thiết cho quá trình tách chiết. - Bộ kit cung cấp hệ thống các hộp đệm bảo quản ở nhiệt độ phòng. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485
21	Đầu côn lọc 100- 1000 µl	ExpelliPlus 1000 ul pre-sterile w/filter 5030150C AHN - Đức	3926	2023 trở đi	Đức	cái	960	- Đầu côn lọc tiệt trùng dùng cho pipet có dải thể tích từ 100-1000 µL - Đã tiệt trùng - Thành phần: nhựa nguyên sinh virgin PP - DNase, RNase và Pyrogen-free - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485

22	Đầu côn lọc 1- 10 µl	ExpellPlus 10µl XL, pre-sterile w/ filter. 5030060C AHN - Đức	3926	2023 trở đi	Đức		cái	480	- Đầu côn lọc tiết trùng dùng cho pipet có dải thể tích từ 1- 10 µL - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Thành phần: nhựa nguyên sinh virgin PP - DNase, RNase và Pyrogen-free - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
III . Vật tư, sinh phẩm									
23	Kim chích máu	Twist Lancets: Soft; SteriLance Medical (Suzhou) Inc	9018	2024 trở về sau	Trung Quốc		Cái	500	Kim chích máu được làm từ thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
24	Giấy in siêu âm	CTP-110S; Contex Việt Nam	4810	2024 trở về sau	Việt Nam		Cuộn	15	Dùng cho máy in siêu âm đen trắng hãng Sony Kích thước 110mm x 20m
25	Giấy in điện tim	Giấy điện tim 3 cần DGFD6330/17R4; Tele-Paper	4810	2024 trở về sau	Malaysia		Cuộn	15	Kích thước 63mm x 30m, dùng cho máy điện tim 3 cần.
26	Phim X-Quang 25x30cm (10x12")	Tên thương mại: Phim khô laser X-quang y tế TRIMAX TXE 25x30cm (14x17"); 1735950; Carestream Health	3701	2024 trở về sau	Mỹ		Tờ	2.000	- Phim khô laser 25x30 cm (10x12 inch) - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester - Phim có thể lưu lại trên đèn đọc phim ≥ 24 giờ, ở điều kiện nhiệt độ 16–27 °C hoặc 60–80 °F và điều kiện độ ẩm 30–50 % RH - Mật độ hình ảnh $D_{max} \geq 3.3$ - Phim có mật độ điểm ảnh ≥ 650 ppi - AIQC hiệu chỉnh máy in Laser để tối ưu hóa chất lượng – và để giúp đảm bảo độ tương phản và mật độ đáp ứng các tùy chọn mà người dùng đặt trước. - Tương thích với hệ thống máy in phim laser Trimax - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương

27	Ống nghiệm Heparin	Ống nghiệm Heparin lithium HTM 2ml nắp đen, mous thấp; HEP_22MLOTH3P 2L1; Công ty CP Vật tư Y tế Hồng Thiện Mỹ	3926	2024 trở về sau	Việt Nam		Cái	5.000	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống $\geq 12 \times 75$ mm. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
28	Bơm kim tiêm 5 ml	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 5ml; BTK5: MPV; MPV	9018	2024 trở về sau	Việt Nam		Cái	3.500	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 5ml, cỡ kim 23Gx1", 25Gx1", 25Gx5/8", có nắp đậy, pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm đóng gói dạng ép vi đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
29	Bông hút (gói 1.000 gr)	Bông y tế thấm nước; 10004; CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT	3005	2024 trở về sau	Việt Nam		Kg	12	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai. Độ ẩm $\leq 08\%$ KL; Tốc độ hút nước ≤ 10 giây; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
30	Đầu côn xanh, vàng	Blue tip 1000 μ l; Yellow tip 200 μ l; NSX: Suzhou Cellpro Biotechnology Co.,Ltd; Chủ sở hữu: Suzhou Medmay Biotechnology Co.,Ltd	3926	2024 trở về sau	Trung Quốc		Cái	3.500	Làm bằng nhựa PP, không có màng lọc, đầu tip trơn (không khóa) hoặc đầu tip sắc (có khóa). Thể tích tối đa 200ul-1000ul (tương đương 0.2ml - 1ml)

31	Ống nghiệm EDTA	Ống nghiệm EDTA K2 HTM 4ml nắp xanh dương; EDT_22MLOK23 PILI; Hồng Thiện Mỹ	3926	2024 trở về sau	Việt Nam		Cái	3.000	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống $\geq 12 \times 75$ mm. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ muối EDTA phải ở trong khoảng từ 1,2 mg đến 2mg EDTA khan trên 1ml máu, và chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút. Tiêu chuẩn ISO, CE
32	Test nhanh HBeAg	Diagnostic Kit for Hepatitis B e Antigen (Colloidal Gold); ITP01043-DS50; InTec PRODUCTS, INC.	3822	2024 trở về sau	Trung Quốc		Test	600	Phát hiện HBeAg trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: 96.2% ; Độ đặc hiệu: 99.4% ; Khoảng tin cậy: 95% - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp: Kháng thể đơn dòng kháng HBe (0,16 μ g); - Vạch kết quả : Kháng thể đơn dòng kháng HBe (0,2 μ g); Vạch chứng: Kháng thể đa dòng dê kháng chuột (0,88 μ g) - Bảo quản ở nhiệt độ thường
33	Test nhanh phát hiện kháng nguyên HBsAg	One Step HBsAg Test; InTec Products, Inc	3822	2024 trở về sau	Trung Quốc		Test	3.000	Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương - Độ nhạy: 98.89 %, Độ đặc hiệu: 98.87 % - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp IgG chuột kháng HBsAg-04 - Vạch kết quả IgG chuột kháng HBsAg-B20 - Vạch chứng IgG dê kháng chuột - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Ngưỡng phát hiện 1ng/ml

34	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C (HCV)	Test viêm gan C (HCV); SD Biosensor, InC	3822	2024 trở về sau	Hàn Quốc		Test	3.000	Phát hiện định tính các kháng thể đặc hiệu đối với HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 97.67% - Độ đặc hiệu trên mẫu bệnh phẩm 100% (200/200), độ đặc hiệu trên mẫu phụ nữ mang thai 100% (204/204), độ đặc hiệu trên mẫu phản ứng chéo tiềm ẩn 100%. - Bảo quản: 2-40oC - Nằm trong danh sách WHO PQ - Kit thử ổn định 13 tuần ở nhiệt độ 55±1°C Tiêu chuẩn ISO 13485
35	Găng tay cao su y tế chưa tiệt trùng có bột	Sri Trang Latex Powdered Examination Gloves; SriTrang Gloves (Thailand) public Co.,Ltd	4015	2024 trở về sau	Thái Lan		Đôi	20.000	Găng tay có bột, có màu trắng làm từ cao su tự nhiên. Găng sử dụng được cả hai tay (không phân biệt trái, phải), nhám đầu ngón tay, cổ tay gấp. Chiều rộng các size: size XS: 70mm ± 10mm, size S: 80mm ± 10mm, size M: 95mm ± 10mm, size L: 111 mm ± 10mm Chiều dài tối thiểu các size: size XS và S: 220mm; size M, L: 230mm. Độ dày ngón tay tối thiểu 0.08mm. Độ dày lòng bàn tay tối thiểu 0.08mm. Sức căng trước lão hóa tối thiểu 18MPa, sau lão hóa tối thiểu 14MPa. Độ giãn dài trước lão hóa tối thiểu 650%, sau lão hóa tối thiểu 500%. Sản xuất theo tiêu chuẩn: ISO13485
36	Bộ dây truyền dịch có kim truyền kim cánh bướm sử dụng một lần	Bộ dây truyền dịch có kim truyền sử dụng một lần - Vinahankook; CTCP TBYT Vinahankook	9018	2024 trở về sau	Việt Nam		Bộ	10.000	Dây truyền dịch : Dài ≥155 cm Ống dây: nhựa PVC, loại y tế nguyên sinh trong suốt Kim : kim cánh bướm 23G 1", 25G 1" . Tiêu chuẩn :ISO 9001; ISO 13485 :2017
37	Nước cất	Nước cất; An Lành	3301	2024 trở về sau	Việt Nam		Lít	400	Nước cất, dùng để rửa dụng cụ, can 20 lít

	Tổng cộng 37 khoản						
--	--------------------	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: Đề nghị thẩm định giá: giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí vận chuyển bàn giao tới Bệnh viện

Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Hưng Yên